

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 280/2024/DS-ST
Ngày 28/8/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2023/TLST – DS, ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Việt A, sinh năm: 1992; địa chỉ: khu V, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Bé T, sinh năm: 1983; chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1978; Cùng địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm: 1962; địa chỉ: khu phố G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang – theo văn bản ủy quyền đề ngày 20/12/2023 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2023 và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/12/2020, vợ chồng anh Lê Bé T và chị Nguyễn Thị T1 có đến hỏi vay của anh Phan Việt A số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng. Đến ngày 15/6/2021 anh T – chị T1 tiếp tục hỏi vay 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng. Cả 02 lần vay anh Lê Bé T là người viết biên nhận, 02 biên nhận vay gốc anh Phạm Việt A1 đã cung cấp cho Tòa án. Anh Phan Việt A cho vợ chồng anh T – chị T1 vay hai lần nhưng chỉ đóng lãi được một tháng duy nhất, tiền gốc chưa tháng toán. Anh Phan Việt A có đến nhà nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T – chị T1 trả số tiền gốc nhưng hứa hẹn cho đến nay vẫn chưa trả tiền gốc. Nay anh Phan Việt A yêu cầu anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 trả cho anh số tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi tính cụ thể của từng lần vay theo lãi suất mà Ngân hàng N1 quy định từ ngày 15/6/2021 (al) cho ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi suất là có căn cứ. Bởi lẽ, các biên nhận nợ phía nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã ra thông báo nhưng anh T – chị T1 không có ý kiến, vắng mặt không có lý do tại phiên họp công bố chứng cứ nên mặc nhiên thừa nhận số tiền vay của anh Phan Việt A, việc anh T - chị T1 không trả số tiền trên cho anh Việt A nên anh Việt A khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Việt A, buộc vợ chồng anh T – chị T1 trả tiền gốc và lãi cho anh Việt A.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự có mặt của đương sự: Anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh T – chị T1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Anh Phan Việt A khởi kiện yêu cầu anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, từ ngày 15/06/2021(al) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi xem xét các chứng cứ, giấy nhận nợ và tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tiến hành thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho anh T – chị T1 biết nhưng cho đến nay thì anh T – chị T1 không có ý kiến gì về số tiền mà anh Phan Việt A đã cho anh T – chị T1 vay. Các biên nhận nợ được anh Phan Việt A xác định là do anh Lê Bé T tự tay viết và ký nhận giao cho anh giữ một bản, anh đã giao nộp cho Tòa án. Tòa án đã ra thông báo cho anh T – chị T1 biết có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của mình nhưng anh T – chị T1 cũng không có văn bản nộp cho Tòa án. Các khoản nợ trên anh Phan Việt A đã cho anh T – chị T1 vay từ ngày 21/12/2020 và ngày 15/6/2021. Thời gian vay là 20 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi nhưng cho đến nay vẫn chưa trả cho anh Việt A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên anh Phan Việt A khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xét lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên xử buộc anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 trả cho anh Phan Việt A số tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

{2.2} Về lãi suất: Đây là hợp đồng vay có lãi, nên anh Việt A yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có cơ sở, cụ thể như sau:

Tính từ ngày 15/01/2021 (âm lịch) đổi ra ngày (dương lịch) ngày 26/4/2021 đến ngày 28/8/2024 (dương lịch) là 40 tháng 02 ngày (tính tròn 40 tháng).

$100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 40 \text{ tháng} = 66.400.000 \text{ đồng}.$

Số tiền lãi anh T – chị T1 phải trả cho anh Việt A là: 66.400.000 đồng; nhưng anh Việt A xác định anh T – chị T1 đã đóng lãi được 01 tháng với số tiền 1.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi đã đóng. Còn lại 65.400.000 đồng.

Cộng chung số tiền gốc và lãi anh T – chị T1 phải trả cho anh Việt A 165.400.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của anh Phan Việt A được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí giá ngạch cụ thể như sau:

$165.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.270.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Việt A đối với anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1.

2. Buộc anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 trả cho anh Phan Việt A số tiền gốc và lãi: 165.400.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của anh Phan Việt A được chấp nhận. Hoàn trả lại cho anh Phan Việt A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002415 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Anh Lê Bé T – chị Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí giá ngạch là: $165.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.270.000 \text{ đồng}$ (tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; người có mặt được tính từ ngày tuyên án (28/8/2024); người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên